

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 3 - 4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 6 - 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 8 - 27 |



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-------------------------|--|
| Ông Nguyễn Quốc Định | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Bà Trần Thị Đào | Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Võ Hữu Tuấn | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Phan Hoàng Minh Trí | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Bà Nguyễn Kiêm Phương | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Huỳnh Văn Nhung | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Quý Sơn | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Trần Anh Tuấn | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2014) |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|-------------------------|---|
| Bà Trần Thị Đào | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Quốc Định | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Huỳnh Văn Nhung | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2014) |
| Ông Trần Hoài Hạnh | Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2014) |
| Ông Phan Hoàng Minh Trí | Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2014) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Quốc Định
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015



112
CHI
CƠ
NH
EL
VIỆT
- 77

Số: 419 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2015
Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 719.282.481.026 | 560.035.978.919 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 178.550.050.326 | 192.255.383.511 |
| 1. Tiền | 111 | | 50.050.050.326 | 75.255.383.511 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 128.500.000.000 | 117.000.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 3.283.181.020 | 2.825.975.260 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | 6 | 6.600.735.680 | 6.600.735.680 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | 7 | (3.317.554.660) | (3.774.760.420) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 227.003.498.046 | 155.159.684.279 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 207.324.365.361 | 165.773.936.997 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 20.426.902.833 | 3.357.942.351 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | | 7.444.225.565 | 1.447.264.084 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (8.191.995.713) | (15.419.459.153) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 8 | 294.566.944.991 | 199.704.966.193 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 295.598.899.143 | 200.020.643.727 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.031.954.152) | (315.677.534) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 15.878.806.643 | 10.089.969.676 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.887.284.251 | 1.750.933.712 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 2.761.662.333 | 3.271.538.103 |
| 3. Các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 92.585.780 | 170.876.528 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 11.137.274.279 | 4.896.621.333 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260) | 200 | | 310.256.152.226 | 309.804.425.798 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 246.036.409.815 | 258.489.435.840 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 172.621.789.202 | 189.299.401.538 |
| - Nguyên giá | 222 | | 387.020.599.372 | 367.457.688.691 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (214.398.810.170) | (178.158.287.153) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 10 | 68.992.079.705 | 67.137.349.360 |
| - Nguyên giá | 228 | | 80.209.606.136 | 73.791.971.132 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (11.217.526.431) | (6.654.621.772) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 11 | 4.422.540.908 | 2.052.684.942 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 46.228.154.700 | 34.251.674.700 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | 12 | 37.610.486.700 | 25.584.006.700 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 13 | 8.799.668.000 | 8.849.668.000 |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | (182.000.000) | (182.000.000) |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 17.991.587.711 | 17.063.315.258 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14 | 17.771.288.971 | 16.919.261.258 |
| 2. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 220.298.740 | 144.054.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 1.029.538.633.252 | 869.840.404.717 |

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND


| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 232.902.181.007 | 143.987.007.224 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 200.327.394.051 | 119.682.930.224 |
| 1. Phải trả người bán | 312 | | 112.795.081.350 | 61.086.041.318 |
| 2. Người mua trả tiền trước | 313 | | 760.122.040 | 2.703.082.828 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 15 | 8.823.501.596 | 16.857.919.032 |
| 4. Phải trả người lao động | 315 | | 29.206.785.697 | 15.020.347.691 |
| 5. Chi phí phải trả | 316 | 16 | 46.055.241.368 | 20.026.483.055 |
| 6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | | 923.144.647 | 998.128.171 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 1.763.517.353 | 2.990.928.129 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 32.574.786.956 | 24.304.077.000 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 333 | 17 | 5.077.000.000 | 5.097.000.000 |
| 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | 18 | 27.497.786.956 | 19.207.077.000 |
| B. NGUỒN VỐN | 400 | | 796.636.452.245 | 725.853.397.493 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 796.636.452.245 | 725.853.397.493 |
| 1. Vốn cổ phần | 411 | | 263.114.860.000 | 167.058.100.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 238.957.833.609 | 315.192.059.609 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 2.420.789.142 | 2.420.789.142 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | (11.838.266.000) |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 206.362.374.388 | 196.596.495.300 |
| 6. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 5.551.390.000 | 16.705.810.000 |
| 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 80.229.205.106 | 39.718.409.442 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 1.029.538.633.252 | 869.840.404.717 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|------------------------|---------------|--------------|
| 1. Nợ khó đòi đã xử lý | 7.570.450.028 | 30.975.000 |
| 2. Ngoại tệ | | |
| - Đô la Mỹ (USD) | 158.811,00 | 1.332.909,22 |


Dương Hoàng Vũ
Người lập biểu


Trần Hoài Hạnh
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Định
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2015




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

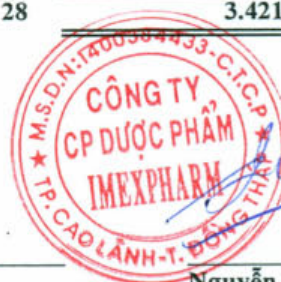
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | 2014 | 2013 |
| 1. Doanh thu bán hàng | 01 | 21 | 907.338.298.242 | 852.756.264.942 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 21 | 10.202.577.089 | 11.439.849.857 |
| 3. Doanh thu thuần (10=01-02) | 10 | 21 | 897.135.721.153 | 841.316.415.085 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 22 | 478.268.587.502 | 451.468.196.347 |
| 5. Lợi nhuận gộp (20=10-11) | 20 | | 418.867.133.651 | 389.848.218.738 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | 9.560.926.831 | 6.206.625.811 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 25 | 8.257.073.479 | 7.723.523.563 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 244.363.050.548 | 227.616.788.489 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 64.640.040.183 | 62.689.510.437 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | 111.167.896.272 | 98.025.022.060 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 808.720.874 | 4.148.564.879 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 1.694.643.055 | 6.616.390.761 |
| 13. Lỗ khác (40=31-32) | 40 | 26 | (885.922.181) | (2.467.825.882) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 110.281.974.091 | 95.557.196.178 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 27 | 24.503.296.985 | 34.932.976.736 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 85.778.677.106 | 60.624.219.442 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 28 | <u>3.421</u> | <u>2.449</u> |


Dương Hoàng Vũ
Người lập biểu


Trần Hoài Hạnh
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Định
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2015



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2014 | 2013 |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| <i>1. Lợi nhuận trước thuế</i> | <i>01</i> | <i>110.281.974.091</i> | <i>95.557.196.178</i> |
| <i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 37.443.719.332 | 36.896.662.852 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (6.968.392.582) | (4.943.464.233) |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (140.915.117) | (50.746.885) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (7.988.716.758) | (1.519.612.520) |
| <i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i> | <i>08</i> | <i>132.627.668.966</i> | <i>125.940.035.392</i> |
| Thay đổi các khoản phải thu | 09 | (58.440.088.735) | 42.956.828.745 |
| Thay đổi hàng tồn kho | 10 | (95.578.255.416) | 44.927.943.714 |
| Thay đổi các khoản phải trả | 11 | 88.417.259.151 | (49.677.059.742) |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | (1.064.622.992) | 1.176.842.033 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (32.402.689.230) | (24.466.729.513) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 35.167.500 | 4.000.225.000 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (17.990.253.944) | (16.817.871.699) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | <i>20</i> | <i>15.604.185.300</i> | <i>128.040.213.930</i> |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định | 21 | (31.445.790.321) | (36.344.914.456) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 22 | 224.660.000 | 2.209.772.727 |
| 3. Tiền thu hồi cho vay | 24 | - | 2.350.000.000 |
| 4. Tiền chi đầu tư dài hạn | 25 | (12.026.480.000) | (540.000.000) |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 26 | 50.000.000 | 2.377.639.758 |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 6.836.401.202 | 4.882.199.483 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | <i>30</i> | <i>(36.361.209.119)</i> | <i>(25.065.302.488)</i> |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 31.660.800.000 | - |
| 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (24.608.187.000) | (32.811.620.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | <i>7.052.613.000</i> | <i>(32.811.620.000)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | (13.704.410.819) | 70.163.291.442 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 192.255.383.511 | 122.127.216.023 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (922.366) | (35.123.954) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | 70 | 178.550.050.326 | 192.255.383.511 |

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

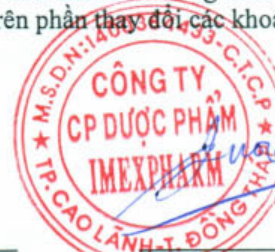
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm 385.786.965 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.131.593.935 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Dương Hoàng Vũ
Người lập biểu



Trần Hoài Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Định
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Liên hiệp Dược Đồng Tháp được thành lập theo Quyết định số 284/TCCQ ngày 28 tháng 9 năm 1983 của Sở Y tế Đồng Tháp, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400384433 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và các đăng ký thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 23) vào ngày 12 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 76/UBCK-GPNY vào ngày 04 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là IMP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 962 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 880 người).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, chế biến dược liệu; bán buôn, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, hóa chất, nguyên phụ liệu bao bì sản xuất thuốc, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người (trừ danh mục hàng hóa quy định tại Mục A Phần II Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương Mại); bán buôn mỹ phẩm; nuôi trồng dược liệu; bán buôn thực phẩm, thực phẩm chức năng, các loại nước uống, nước uống có cồn, có gas; sản xuất sữa; hoạt động tài chính; sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc; bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản nhận ký quỹ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|----------------------------|---------------|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 10 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 6 - 15 |
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 8 |

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, bản quyền và các phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Bản quyền và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên kết: Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác: Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ hoặc các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị tiền thuê đất và thuê gian hàng phục vụ cho việc kinh doanh. Tiền thuê đất và gian hàng trả trước được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Quý phát triển khoa học và công nghệ**

Quý phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quý được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 697.684.120 | 978.424.005 |
| Tiền gửi ngân hàng | 49.352.366.206 | 74.276.959.506 |
| Các khoản tương đương tiền | 128.500.000.000 | 117.000.000.000 |
| | 178.550.050.326 | 192.255.383.511 |

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi với kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng bằng đồng Việt Nam với lãi suất từ 4,9% đến 5,7%/năm (Năm 2013: từ 6% đến 7%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 | Giá trị |
|----------------------------------|---------------|---------------|---|
| | (Cổ phiếu) | (Cổ phiếu) | tại ngày 31/12/2014 và 31/12/2013 VND |
| Công ty Cổ phần Mekophar | 60.000 | 60.000 | 5.589.637.900 |
| Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết | 10.000 | 10.000 | 239.465.000 |
| Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang | 4.265 | 4.265 | 239.510.000 |
| Công ty Cổ phần XNK Y Tế Domesco | 7.500 | 7.500 | 383.907.520 |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC | 7.500 | 5.000 | 148.215.260 |
| | 89.265 | 86.765 | 6.600.735.680 |

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

| Đơn vị phát hành | 31/12/2014 | | 31/12/2013 | |
|-------------------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|-------------------------|
| | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị dự phòng VND | Số lượng Cổ phiếu | Giá trị dự phòng VND |
| Công ty Cổ phần XNK Y Tế Domesco | 7.500 | 76.407.520 | 5.000 | 147.407.520 |
| Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết | 10.000 | 239.465.000 | 10.000 | 239.465.000 |
| Công ty Cổ phần Mekophar | 60.000 | 3.001.682.140 | 50.000 | 3.387.887.900 |
| | 77.500 | 3.317.554.660 | 65.000 | 3.774.760.420 |

8. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Hàng mua đang đi đường | 15.851.974.998 | 21.399.349.064 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 156.441.310.006 | 97.028.943.635 |
| Công cụ, dụng cụ | 7.653.989.632 | 3.122.759.558 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 16.914.315.650 | 15.025.411.539 |
| Thành phẩm | 98.737.308.857 | 63.444.179.931 |
| Hàng hóa | - | - |
| | 295.598.899.143 | 200.020.643.727 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (1.031.954.152) | (315.677.534) |
| | 294.566.944.991 | 199.704.966.193 |

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 716.276.618 đồng (năm 2013: Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.911.150.210 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 134.181.852.773 | 176.587.366.692 | 49.857.089.269 | 6.831.379.957 | 367.457.688.691 |
| Mua sắm mới | 1.227.393.552 | 9.788.236.525 | 3.801.439.092 | - | 14.817.069.169 |
| Phân loại lại tài sản | 14.437.478.252 | (14.764.552.457) | 255.688.773 | 71.385.432 | - |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 5.295.423.212 | - | - | - | 5.295.423.212 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (549.581.700) | - | (549.581.700) |
| Tại ngày 31/12/2014 | <u>155.142.147.789</u> | <u>171.611.050.760</u> | <u>53.364.635.434</u> | <u>6.902.765.389</u> | <u>387.020.599.372</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 54.440.435.314 | 97.173.532.835 | 22.975.551.280 | 3.568.767.724 | 178.158.287.153 |
| Trích khấu hao trong năm | 10.590.638.180 | 18.013.304.137 | 7.288.260.076 | 897.902.324 | 36.790.104.717 |
| Phân loại lại tài sản | 2.739.508.973 | (3.113.333.644) | 394.859.316 | (21.034.645) | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (549.581.700) | - | (549.581.700) |
| Tại ngày 31/12/2014 | <u>67.770.582.467</u> | <u>112.073.503.328</u> | <u>30.109.088.972</u> | <u>4.445.635.403</u> | <u>214.398.810.170</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2014 | <u><u>87.371.565.322</u></u> | <u><u>59.537.547.432</u></u> | <u><u>23.255.546.462</u></u> | <u><u>2.457.129.986</u></u> | <u><u>172.621.789.202</u></u> |
| Tại ngày 31/12/2013 | <u><u>79.741.417.459</u></u> | <u><u>79.413.833.857</u></u> | <u><u>26.881.537.989</u></u> | <u><u>3.262.612.233</u></u> | <u><u>189.299.401.538</u></u> |

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 89.216.117.721 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 78.260.306.408 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

| | Quyền sử dụng đất VND | Bản quyền VND | Phần mềm máy tính VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|-----------------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 60.761.360.233 | 744.712.823 | 12.285.898.076 | 73.791.971.132 |
| Mua sắm mới | 3.740.187.504 | - | - | 3.740.187.504 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 2.677.447.500 | - | - | 2.677.447.500 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 67.178.995.237 | 744.712.823 | 12.285.898.076 | 80.209.606.136 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 2.906.931.465 | 744.712.823 | 3.002.977.484 | 6.654.621.772 |
| Trích khấu hao trong năm | 528.533.000 | - | 4.034.371.659 | 4.562.904.659 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 3.435.464.465 | 744.712.823 | 7.037.349.143 | 11.217.526.431 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Tại ngày 31/12/2014 | 63.743.530.772 | - | 5.248.548.933 | 68.992.079.705 |
| Tại ngày 31/12/2013 | 57.854.428.768 | - | 9.282.920.592 | 67.137.349.360 |

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|---------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Văn phòng chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu | 731.272.727 | - |
| Văn phòng chi nhánh Đồng Nai | 700.000.000 | - |
| Văn phòng chi nhánh Cần Thơ | 1.563.795.454 | 1.800.000.000 |
| Mua sắm tài sản cố định | 1.402.927.272 | - |
| Khác | 24.545.455 | 252.684.942 |
| | 4.422.540.908 | 2.052.684.942 |

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

| Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ % | Hoạt động chính |
|---|-------------------------------|---------------------------|---|--|
| Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại | Hồ Chí Minh | 26,00% | 26,00% | Sản xuất và bán buôn dược phẩm |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm | An Giang | 33,99% | 25,86% | Sản xuất và bán buôn dược phẩm |
| Công ty Cổ phần Dược Spharm | Sóc Trăng | 29,48% | 29,48% | Sản xuất và bán buôn dược phẩm |
| Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười | Đồng Tháp | 20,00% | 20,00% | Nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi tiết số vốn đã đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán của Công ty như sau:

| | Vốn đã góp 31/12/2014 VND | Vốn đã góp 31/12/2013 VND |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại | 182.000.000 | 182.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm | 26.419.806.700 | 14.393.326.700 |
| Công ty Cổ phần Dược Spharm | 8.668.680.000 | 8.668.680.000 |
| Công ty Cổ phần nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu Đồng Tháp Mười | 2.340.000.000 | 2.340.000.000 |
| | 37.610.486.700 | 25.584.006.700 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư | (182.000.000) | (182.000.000) |
| | 37.428.486.700 | 25.402.006.700 |

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 | 114.550.000 | 114.550.000 |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm | 581.428.000 | 581.428.000 |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm TW Vidipha | 476.000.000 | 476.000.000 |
| Ngân Hàng Phương Nam | 127.690.000 | 127.690.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp | - | 50.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng | 7.500.000.000 | 7.500.000.000 |
| | 8.799.668.000 | 8.849.668.000 |

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 16.919.261.258 | 14.591.241.755 |
| Tăng trong năm | 2.559.169.215 | 3.937.498.840 |
| Phân bổ trong năm | (1.707.141.502) | (1.004.254.618) |
| Giảm khác | - | (605.224.719) |
| Số cuối năm | 17.771.288.971 | 16.919.261.258 |

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 1.538.847.534 | 1.070.545.520 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.950.733.552 | 14.549.943.359 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 323.038.828 | 172.564.358 |
| Thuế khác | 10.881.682 | 1.064.865.795 |
| | 8.823.501.596 | 16.857.919.032 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phí bản quyền | 9.828.926.303 | 6.983.498.725 |
| Chi phí bán hàng trích trước | 30.198.041.275 | 7.468.048.831 |
| Chi phí trích trước khác | 6.028.273.790 | 5.574.935.499 |
| | 46.055.241.368 | 20.026.483.055 |

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản ký quỹ dài hạn của khách hàng để thực hiện việc mua hàng từ Công ty. Hợp đồng nguyên tắc có hiệu lực cho đến hết ngày thanh lý hợp đồng và tái tục hàng năm nếu như không có bất kỳ thay đổi về điều khoản của hợp đồng. Khoản ký quỹ dài hạn này chịu mức lãi suất là 8%/năm trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

18. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

| | 2014 | 2013 |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 19.207.077.000 | 11.500.000.000 |
| Tăng quỹ trong năm | 12.200.000.000 | 10.500.000.000 |
| Sử dụng quỹ trong năm | (3.909.290.044) | (2.792.923.000) |
| Số dư cuối năm | 27.497.786.956 | 19.207.077.000 |

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|--|---------------|---------------|
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 26.311.486 | 16.705.810 |
| Số cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 26.311.486 | 16.705.810 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | 26.311.486 | 16.405.810 |
| Số cổ phiếu quỹ | - | 300.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu (VND) | 10.000 | 10.000 |

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

| | Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ | | Vốn đã góp tại ngày |
|---------------------------------------|-----------------------------|-------------|------------------------|
| | năm giữ tại ngày 31/12/2014 | % | 31/12/2014 |
| | Cổ phiếu | | VND |
| Tổng Công ty Dược Việt Nam | 6.874.447 | 26,13% | 68.744.470.000 |
| Balestrand Limited | 1.746.669 | 6,64% | 17.466.690.000 |
| Franklin Templeton Investment | 2.456.820 | 9,34% | 24.568.200.000 |
| Funds-Templeton Frontier Markets Fund | 2.317.503 | 8,81% | 23.175.030.000 |
| Kwe Beteiligungen AG | 12.916.047 | 49,09% | 129.160.470.000 |
| Cổ đông khác | 26.311.486 | 100% | 263.114.860.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Nghị quyết số 15/ĐHQT-IMEX ngày 19 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm, các Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 12.236.965 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần để tăng vốn điều lệ. Trong đó:

- a) Công ty sẽ phát hành thêm 8.352.905 cổ phần dưới hình thức cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 từ thặng dư vốn cổ phần và Công ty đã được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng công văn số 4589/UBCK-QLPH vào ngày 11 tháng 8 năm 2014. Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 8.352.776 cổ phần theo như công văn số 214/IMEX Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu ban hành ngày 08 tháng 09 năm 2014 cho Ủy ban Chứng khoán. Số lượng cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung theo như Quyết định số 373/QĐ-SGDHCM vào ngày 26 tháng 9 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- b) Công ty sẽ phát hành 1.252.900 cổ phần cho người lao động của Công ty theo Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn người lao động trong Công ty (gọi tắt là "ESOP") và Công ty đã được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng công văn số 5715/UBCK-QLPH vào ngày 21 tháng 10 năm 2014. Công ty đã hoàn tất phát hành 1.252.900 cổ phần theo như Công văn số 276/IMEX Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty vào ngày 10 tháng 11 năm 2014 và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cũng đã phê chuẩn báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP của Công ty bằng Công văn số 6484/UBCK-QLPH ngày 21 tháng 11 năm 2014. Số lượng cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung theo như Quyết định số 483/QĐ-SGDHCM vào ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- c) Và Công ty sẽ phát hành 2.631.160 cổ phần cho cổ đông chiến lược. Theo Nghị quyết số 63/ĐHQT-IMEX ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 2.631.160 cổ phần (tương đương với 10% cổ phiếu đang lưu hành) với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần để tăng vốn điều lệ cho cổ đông chiến lược của Công ty với giá phát hành dự kiến là giá bình quân của 10 phiên giao dịch trên thị trường niêm yết (trước ngày bán cổ phiếu riêng lẻ) chiết khấu giảm trừ tối đa không quá 20% giá bình quân nêu trên và giá không được thấp hơn 30.000 đồng/cổ phần và Công ty đã được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng công văn số 7281/UBCK-QLPH vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Công ty đã hoàn tất phát hành 2.631.160 cổ phần theo như Công văn số 04/IMEX Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược vào ngày 06 tháng 01 năm 2015 và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cũng đã phê chuẩn báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu cho các cổ đông chiến lược của Công ty ngày 09 tháng 01 năm 2015. Số lượng cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung theo như Quyết định số 26/QĐ-SGDHCM vào ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng VND |
|--|------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2013 | 167.058.100.000 | 315.192.059.609 | 2.420.789.142 | (11.838.266.000) | 15.214.500.000 | 166.419.364.850 | 59.716.306.411 | 714.182.854.012 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | 60.624.219.442 | 60.624.219.442 |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | - | (32.811.620.000) | (32.811.620.000) |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - | 1.491.310.000 | 30.177.130.450 | (47.810.496.411) | (16.142.055.961) |
| Tại ngày 31/12/2013 | 167.058.100.000 | 315.192.059.609 | 2.420.789.142 | (11.838.266.000) | 16.705.810.000 | 196.596.495.300 | 39.718.409.442 | 725.853.397.493 |
| Tái phát hành cổ phiếu quỹ | - | 4.787.734.000 | - | 11.838.266.000 | - | - | - | 16.626.000.000 |
| Phát hành cổ phiếu thường | 83.527.760.000 | (83.527.760.000) | - | - | - | - | - | - |
| Phát hành cổ phiếu ESOP | 12.529.000.000 | 2.505.800.000 | - | - | - | - | - | 15.034.800.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | - | 85.778.677.106 | 85.778.677.106 |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | - | (25.058.715.000) | (25.058.715.000) |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - | - | 10.066.061.526 | (20.553.452.248) | (10.487.390.722) |
| Sử dụng quỹ | - | - | - | - | (11.154.420.000) | (300.182.438) | - | (11.454.602.438) |
| Thưởng cho Hội đồng Quản trị do hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2013 | - | - | - | - | - | - | (106.242.194) | (106.242.194) |
| Hoàn nhập cổ tức của cổ phiếu quỹ | - | - | - | - | - | - | 450.528.000 | 450.528.000 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 263.114.860.000 | 238.957.833.609 | 2.420.789.142 | - | 5.551.390.000 | 206.362.374.388 | 80.229.205.106 | 796.636.452.245 |

Theo Nghị quyết số 15/HĐQT-IMEX của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013, cụ thể:

- Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi là 8.487.390.722 đồng (tạm trích trong năm 2013 là 4.000.000.000 đồng và trích lập thêm trong năm 2014 là 4.487.390.722 đồng).
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển là 10.066.061.526 đồng.
- Thù lao Hội đồng Quản trị và thù lao Ban Kiểm soát do hoàn thành kế hoạch lợi nhuận theo khoản 11 điều 25 Điều lệ Công ty là 606.242.194 đồng (tạm trích trong năm 2013 là 500.000.000 đồng) và trích thêm trong năm 2014 là 106.242.194 đồng.
- Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 41.464.525.000 đồng (tạm chia trong năm 2013 là 16.405.810.000 đồng và chia trong năm 2014 là 25.058.715.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Quyết định số 2234/QĐ-CT ngày 19 tháng 9 năm 2014 và Công văn số 2591/TTCP-V.III ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ về kết quả thanh tra việc mua thuốc Tamiflu và thuốc có hoạt chất Oseltamivir phosphate phòng, chống dịch cúm A (H5N1), Công ty bị thu hồi số tiền 11.154.420.000 đồng. Theo Nghị Quyết số 42/NQ-HĐQT-IMEX ngày 23 tháng 9 năm 2014, HĐQT quyết định sử dụng Quỹ dự phòng tài chính của Công ty để thực hiện nộp số tiền nêu trên.

Trong năm, các quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị đã được trích lập đầy đủ cũng như cổ tức bằng tiền mặt đã được chi trả cho các Cổ đông theo như Nghị quyết nêu trên của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ năm 2014 và sử dụng quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán nguyên vật liệu dùng để chế biến dược phẩm và các loại dược phẩm do Công ty sản xuất ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do xuất bán hàng hóa trong nội địa trong khi tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các niên độ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2014 VND | 2013 VND |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng | | |
| Doanh thu hàng xuất khẩu | 11.678.164.159 | 14.486.146.826 |
| Doanh thu hàng sản xuất | 747.432.589.237 | 715.388.922.451 |
| Doanh thu hàng nhượng quyền | 110.946.042.974 | 109.827.477.868 |
| Doanh thu hàng ngoại nhập | - | 3.678.246.544 |
| Doanh thu hàng mua bán khác | <u>37.281.501.872</u> | <u>9.375.471.253</u> |
| | <u>907.338.298.242</u> | <u>852.756.264.942</u> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Hàng bán trả lại | - | (5.406.492.798) |
| Giảm giá hàng bán | (1.704.785.835) | - |
| Chiết khấu thương mại | <u>(8.497.791.254)</u> | <u>(6.033.357.059)</u> |
| | <u>(10.202.577.089)</u> | <u>(11.439.849.857)</u> |
| | <u><u>897.135.721.153</u></u> | <u><u>841.316.415.085</u></u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

| | 2014 | 2013 |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Giá vốn hàng xuất khẩu | 8.331.220.556 | 6.792.141.424 |
| Giá vốn hàng sản xuất | 352.892.561.033 | 346.072.118.332 |
| Giá vốn hàng nhượng quyền | 83.002.531.466 | 84.329.692.477 |
| Giá vốn hàng ngoại nhập | - | 3.183.649.788 |
| Giá vốn hàng mua bán khác | 34.042.274.447 | 11.090.594.326 |
| | <u>478.268.587.502</u> | <u>451.468.196.347</u> |

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 2014 | 2013 |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 376.783.895.538 | 346.324.135.339 |
| Chi phí nhân công | 146.886.197.887 | 110.297.654.493 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 37.443.719.332 | 32.607.673.607 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 76.790.909.410 | 85.202.734.539 |
| Chi phí khác | 137.166.956.066 | 156.842.297.295 |
| | <u>775.071.678.233</u> | <u>731.274.495.273</u> |

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2014 | 2013 |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 6.495.439.158 | 4.276.654.039 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.649.390.956 | 835.428.345 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 140.179.117 | 50.746.885 |
| Cổ tức được chia | 1.268.617.600 | 952.001.000 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 7.300.000 | 91.795.542 |
| | <u>9.560.926.831</u> | <u>6.206.625.811</u> |

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2014 | 2013 |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí lãi cho khoản ứng trước từ khách hàng | 389.764.998 | 558.888.889 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 533.648.342 | 1.097.368.999 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | (457.205.760) | (4.389.562.562) |
| Chiết khấu thanh toán | 7.697.613.899 | 10.444.828.237 |
| Chi phí khác | 93.252.000 | 12.000.000 |
| | <u>8.257.073.479</u> | <u>7.723.523.563</u> |

31/12/
 CHI
 CÔI
 CHNH
 DEL
 VIỆ
 / - T

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. LỖ KHÁC**

| | 2014 | 2013 |
|---|----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định | 204.236.364 | 2.220.090.909 |
| Khác | 604.484.510 | 1.928.473.970 |
| Thu nhập khác | 808.720.874 | 4.148.564.879 |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý | - | 1.516.989.594 |
| Trích khấu hao nhà máy Penicilin tại Bình Dương | - | 4.288.989.245 |
| Khác | 1.694.643.055 | 810.411.922 |
| Chi phí khác | 1.694.643.055 | 6.616.390.761 |
| Lỗ khác | (885.922.181) | (2.467.825.882) |

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 2014 | 2013 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước khi trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 122.481.974.091 | 106.057.196.178 |
| Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 12.200.000.000 | 10.500.000.000 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 110.281.974.091 | 95.557.196.178 |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 2.429.622.890 | 45.126.711.765 |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | (1.332.974.324) | (952.001.000) |
| Thu nhập chịu thuế | 111.378.622.657 | 139.731.906.943 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| + Thu nhập tính thuế từ HĐKD chính | 111.378.622.657 | 139.731.906.943 |
| + Thu nhập tính thuế từ chuyển quyền sử dụng đất | - | 1.241.525.000 |
| Thuế suất | 22% | 25% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 24.503.296.985 | 34.932.976.736 |
| + Thuế TNDN từ HĐKD chính | 24.503.296.985 | 34.622.595.486 |
| + Thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất | - | 310.381.250 |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% (năm 2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tạm tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau:

| | 2014 | 2013 |
|--|----------------|---------------------|
| | VND | (Điều chỉnh) VND |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty | 85.778.677.106 | 60.624.219.442 |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 85.778.677.106 | 60.624.219.442 |
| Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền | 25.074.336 | 24.758.586 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.421 | 2.449 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Công ty đã phát hành 8.352.776 cổ phiếu dưới hình thức cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 từ thặng dư vốn cổ phần như sau:

| | Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền | Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND) |
|---|---|--|
| Số báo cáo trước đây | 16.405.810 | 3.695 |
| Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phần cho cổ phiếu thưởng trong năm | 8.352.776 | (1.246) |
| Số liệu trình bày lại | 24.758.586 | 2.449 |

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

| | 2014 VND | 2013 VND |
|--|-------------|-------------|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | 562.571.626 | 535.322.909 |

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|--------------------------------|--------------------|--------------------|
| Trong vòng một năm | 150.000.000 | 138.000.000 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 270.000.000 | - |
| Sau năm năm | 2.500.000 | - |
| | 422.500.000 | 138.000.000 |

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền mà Công ty phải trả cho việc thuê mặt bằng kinh doanh hiệu thuốc của một số chi nhánh trên cả nước.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

22. C
H
Y
I
U
H
I
E
M
C
H
I

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 178.550.050.326 | 192.255.383.511 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 3.283.181.020 | 2.825.975.260 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 206.576.595.213 | 151.801.741.928 |
| Các khoản ký quỹ | 1.414.709.121 | 2.348.720.667 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 8.617.668.000 | 8.667.668.000 |
| Tổng cộng | <u>398.442.203.680</u> | <u>357.899.489.366</u> |
| Công nợ tài chính | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 118.373.756.553 | 66.764.253.595 |
| Chi phí phải trả | 46.055.241.368 | 20.026.483.055 |
| Các khoản nhận ký quỹ | - | 300.000.000 |
| Tổng cộng | <u>164.428.997.921</u> | <u>87.090.736.650</u> |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp phòng ngừa có thể cao hơn mức chi phí tiềm tàng do thay đổi tỷ giá và lãi suất của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

| | Tài sản | | Công nợ | |
|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | 31/12/2014 | 31/12/2013 | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Đô la Mỹ (USD) | 9.581.205.757 | 28.098.771.883 | 87.559.798.877 | 45.689.234.804 |
| Euro (EUR) | - | - | 1.682.003.405 | 971.072.355 |

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Phân tích sau đây thể hiện độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Việt Nam đồng tăng/giảm 5% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng là 3.898.929.656 đồng (năm 2013: 879.523.146 đồng).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn các khách hàng khác nhau chứ không tập trung vào một số khách hàng chính và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm VND | Trên 1 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2014 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 178.550.050.326 | - | 178.550.050.326 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 3.283.181.020 | - | 3.283.181.020 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 206.576.595.213 | - | 206.576.595.213 |
| Các khoản ký quỹ | 1.414.709.121 | - | 1.414.709.121 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | - | 8.617.668.000 | 8.617.668.000 |
| Tổng cộng | 389.824.535.680 | 8.617.668.000 | 398.442.203.680 |

| | Dưới 1 năm VND | Trên 1 năm VND | Tổng VND |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2014 | | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 113.296.756.553 | 5.077.000.000 | 118.373.756.553 |
| Chi phí phải trả | 46.055.241.368 | - | 46.055.241.368 |
| Tổng cộng | 159.351.997.921 | 5.077.000.000 | 164.428.997.921 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 230.472.537.759 | 3.540.668.000 | 234.013.205.759 |

| | Dưới 1 năm VND | Trên 1 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2013 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 192.255.383.511 | - | 192.255.383.511 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 2.825.975.260 | - | 2.825.975.260 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 151.801.741.928 | - | 151.801.741.928 |
| Các khoản ký quỹ | 2.348.720.667 | - | 2.348.720.667 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | - | 8.667.668.000 | 8.667.668.000 |
| Tổng cộng | 349.231.821.366 | 8.667.668.000 | 357.899.489.366 |

| | Dưới 1 năm VND | Trên 1 năm VND | Tổng VND |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2013 | | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 61.667.253.595 | 5.097.000.000 | 66.764.253.595 |
| Chi phí phải trả | 20.026.483.055 | - | 20.026.483.055 |
| Các khoản nhận ký quỹ | 300.000.000 | - | 300.000.000 |
| Tổng cộng | 81.993.736.650 | 5.097.000.000 | 87.090.736.650 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 267.238.084.716 | 3.570.668.000 | 270.808.752.716 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---------------------------------------|--------------------|
| Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Dược Spharm | Công ty liên kết |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|--|-----------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Phải thu | | |
| Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại | 16.995.023 | 6.944.814.539 |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm | 21.488.191.822 | 747.884.064 |
| Công ty Cổ phần Dược Spharm | <u>1.071.068.211</u> | <u>-</u> |
| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Phải trả | | |
| Công ty Cổ phần Dược Spharm | 145.284.300 | - |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm | <u>805.996.275</u> | <u>-</u> |
| Giao dịch trong năm chủ yếu với các bên liên quan như sau: | | |
| | 2014 | 2013 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Bán hàng | | |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm | 34.810.862.998 | 11.954.183.471 |
| Công ty Cổ phần Dược Spharm | <u>3.701.879.419</u> | <u>182.995.021</u> |
| Mua hàng | | |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm | 15.080.185.260 | 11.028.655.155 |
| Công ty Cổ phần Dược Spharm | <u>928.447.380</u> | <u>951.302.100</u> |
| Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc | | |
| Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau: | | |
| | 2014 | 2013 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lương, các khoản thưởng và phúc lợi khác | <u>10.324.923.050</u> | <u>8.200.000.000</u> |



Dương Hoàng Vũ
Người lập biểu



Trần Hoài Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Định
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2015